

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN MINH NGỌC

**QUÁ TRÌNH  
CHỨNG MINH TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

*Chuyên ngành:* Luật hình sự và tổ tụng hình sự  
*Mã số:* 60 38 01 04

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

***Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS. TS. ĐỖ NGỌC QUANG***

***Phản biện 1: .....***

***Phản biện 2: .....***

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

***Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014***

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

*Trang*

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Các từ viết tắt

Danh mục các bảng

**MỞ ĐẦU** ..... 1

## **Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUÁ TRÌNH**

**CHỨNG MINH TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ** ..... 7

**1.1. Khái niệm, mục đích và ý nghĩa của quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự** ..... 7

1.1.1. Khái niệm quá trình chứng minh ..... 7

1.1.2. Mục đích, ý nghĩa của quá trình chứng minh ..... 12

**1.2. Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự** ..... 13

1.2.1. Khái niệm đối tượng chứng minh ..... 15

1.2.2. Đặc điểm của đối tượng chứng minh ..... 19

1.2.3. Phân loại đối tượng chứng minh ..... 24

**1.3. Phương tiện chứng minh** ..... 30

1.3.1. Khái niệm phương tiện chứng minh ..... 30

1.3.2. Đặc điểm phương tiện chứng minh ..... 31

**1.4. Nội hàm của quá trình chứng minh** ..... 33

1.4.1. Thu thập chứng cứ ..... 35

1.4.2. Giới hạn chứng minh ..... 39

1.4.3. Chủ thể của chứng minh ..... 47

1.4.4. Trình tự, thủ tục chứng minh ..... 49

<b>Chương 2: THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH QUÁ TRÌNH CHỨNG MINH VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUÁ TRÌNH CHỨNG MINH TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ</b> .....	51
<b>2.1. Thực trạng tình hình quá trình chứng minh trong tổ tụng hình sự</b> .....	51
2.1.1. Kết quả đạt được trong quá trình chứng minh vụ án hình sự.....	61
2.1.2. Nguyên nhân của những tồn tại thiếu sót trong quá trình chứng minh vụ án hình sự.....	62
<b>2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chứng minh trong tổ tụng hình sự</b> .....	66
2.2.1. Hoàn thiện pháp luật tổ tụng hình sự liên quan đến quá trình chứng minh vụ án hình sự .....	66
2.2.2. Các giải pháp về nâng cao trình độ hoạt động chứng minh vụ án hình sự cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm .....	71
<b>KẾT LUẬN</b> .....	75
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	77

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự là một vấn đề phức tạp, vừa mang tính lý luận, tính thực tiễn đồng thời có tính quyết định trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án hình sự. Việc nhận thức đúng và đầy đủ lý luận về chứng cứ nói chung trong đó có quá trình chứng minh trong VAHS sẽ bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử được chính xác, không để lọt tội phạm, không làm oan, sai đối với người vô tội. BLTTHS Việt Nam và nhiều nước trên thế giới đều có qui định về chứng cứ và quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự (TTHS), trong đó chế định chứng cứ giữ vai trò hết sức quan trọng là căn cứ, phương tiện để giải quyết vụ án hình sự. Quá trình chứng minh vụ án hình sự là quá trình tìm ra, xác định đầy đủ các chứng cứ có ý nghĩa đối với việc làm sáng tỏ sự thật của vụ án.

Từ đó cho thấy, việc nhận thức và áp dụng pháp luật về quá trình chứng minh trong VAHS của một số chủ thể TTHS chưa được triệt để việc nghiên cứu quá trình chứng minh trong VAHS ở nước ta là một nội dung hết sức quan trọng có ý nghĩa to lớn cả về mặt khoa học và thực tiễn, làm cho hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm hình sự đạt hiệu quả cao, giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng làm rõ sự thật khách quan của vụ án một cách nhanh chóng, chính xác, đáp ứng được yêu cầu của Đảng và Nhà nước ta. Chính vì vậy, tác giả đã chọn đề tài "*Quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự*" làm đề tài nghiên cứu.

## 2. Tình hình nghiên cứu

Quá trình chứng minh trong VAHS là một đề tài khó, phức tạp, còn tồn tại nhiều cả về lý luận và thực tiễn cần được nghiên cứu làm rõ, nhưng cho đến nay số tài liệu nghiên cứu về vấn đề này còn rất ít, hơn nữa các tác giả chỉ nghiên cứu, đề cập ở một khía cạnh phạm vi quá trình chứng minh, hay quá trình chứng minh của một cơ quan tiến hành tố tụng cụ thể như:

\* Luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ: “*Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*” của thạc sĩ Nguyễn Thanh Hòa năm 1997; luận án tiến sĩ luật học: “*Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*” của tiến sĩ Nguyễn Văn Dương năm 2000.

\* Sách giáo khoa, sách tham khảo, giáo trình, tạp chí: “*Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*” (chương VI, mục 6), PGS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên Trường Đại học Huế năm 2002; “*Tài liệu tập huấn chuyên sâu về Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*” của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật Bộ Công an, Hà Nội tháng 6-2004; “*Một số vấn đề về chứng minh trong tố tụng hình sự*” của tác giả Trần Quang Tiệp, tạp chí Kiểm sát số 9, 2003;...

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu và các bài viết trên chỉ thể hiện ở một phần, ở một khía cạnh trong mỗi giai đoạn của quá trình giải quyết VAHS mà chưa có một công trình nghiên cứu nào đảm bảo được tính lôgic, hệ thống, sâu sắc, toàn diện về quá trình chứng minh trong VAHS.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu luận án**

Mục đích của luận án là làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của quá trình chứng minh trong VAHS ở nước ta nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án. Muốn đạt được mục đích này điều quan trọng trước tiên là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải xác định được những vấn đề cần chứng minh trong VAHS. Các tình tiết của những vấn đề cần phải chứng minh trong VAHS là hết sức đa dạng và phong phú, nhưng vấn đề chủ yếu cần xác định là các cơ quan tiến hành tố tụng bằng các biện pháp khoa học mà luật TTHS qui định để xác định chân lý khách quan của vụ án, muốn vậy phải chứng minh được đầy đủ các tình tiết có liên quan đến vụ án. Vì vậy, luận văn tập trung nghiên cứu làm rõ một cách toàn diện và có hệ thống dưới góc độ lý luận và thực tiễn quá trình chứng minh trong VAHS ở nước ta có sự tham khảo luật TTHS của một số nước trên thế giới nhằm:

Khái niệm, mục đích và ý nghĩa của quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự; Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự; phương tiện chứng minh và nội hàm của quá trình chứng minh.

Đánh giá được thực trạng tình hình quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự; Đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự;

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đúng như tên gọi của nó.

Phạm vi nghiên cứu của luận án là: Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự và đánh giá thực trạng tình hình quá trình chứng minh và các giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu của luận văn**

Việc nghiên cứu đề tài dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể của khoa học luật hình sự như: phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê xã hội học, điều tra... để tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn này.

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

Có thể nói đây là một công trình nghiên cứu có nhiều tính mới trong khoa học pháp lý nước ta nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện và có hệ thống về quá trình chứng minh trong VAHS ở nước ta. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần phát triển lý luận về quá trình chứng minh trong VAHS ở nước ta.

Về mặt lý luận: Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự như: Khái niệm, mục đích và ý nghĩa của quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự; đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự; phương tiện chứng minh; nội hàm của quá trình chứng minh.

Về mặt thực tiễn: Đề tài đánh giá thực trạng tình hình quá trình chứng minh và các giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự như: thực trạng tình hình quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự; Những kết quả đạt được trong quá trình chứng minh vụ án

hình sự; các giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 2 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề cơ bản về quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự.

*Chương 2:* Thực trạng tình hình quá trình chứng minh và các giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự.

### *Chương 1*

#### **NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN**

#### **VỀ QUÁ TRÌNH CHỨNG MINH TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

**1.1. Khái niệm, mục đích và ý nghĩa của quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự**

##### **1.1.1. Khái niệm quá trình chứng minh**

Đấu tranh phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước. Xuất phát từ lý luận và thực tiễn để xây dựng một xã hội nhân đạo, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN), pháp luật của nước ta luôn bám sát tư tưởng lớn của thời đại: "Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng". Vì vậy, pháp luật TTHS của Việt Nam là công cụ pháp lý sắc bén nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm để bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Nhận thức về quá trình chứng minh trong VAHS là công việc tư duy của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm đối với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đồng thời chính là tổng thể các hoạt động được những người này tiến hành hướng tới việc thu thập, kiểm tra và đánh giá



chứng cứ. Như vậy, quá trình chứng minh là quá trình nhận thức các sự kiện, các tình tiết của vụ án hình sự, quá trình nhận thức này phải đảm bảo sử dụng các biện pháp khoa học vì từ đó sẽ rút ra những kết luận, quyết định có liên quan tới những giá trị rất lớn như: quyền và lợi ích của Nhà nước, tự do, danh dự, nhân phẩm của con người. Vì vậy, quá trình chứng minh trong VAHS phải đảm bảo tính khoa học chặt chẽ của phương pháp phán đoán, suy luận được ứng dụng đặc biệt cần thiết và sâu sắc, đồng thời phải đảm bảo chặt chẽ hơn so với hoạt động nghiên cứu, tư duy, suy luận trong công tác nghiên cứu khoa học.

Như vậy, *Quá trình chứng minh vụ án hình sự là hệ thống các hành vi tố tụng hình sự do các chủ thể tiến hành theo trình tự thực hiện được Bộ luật tố tụng hình sự quy định nhằm thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, qua đó làm rõ sự thật khách quan của vụ án hình sự, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa.*

### **1.1.2. Mục đích, ý nghĩa của quá trình chứng minh**

Quá trình chứng minh VAHS suy cho cùng là để phát hiện tội phạm, người phạm tội nhằm trừng trị, cải tạo giáo dục người phạm tội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của các tổ chức và mọi công dân, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, mục đích của các cơ quan tiến hành tố tụng phải đảm bảo công bằng xã hội, chống oan, sai, chống để lọt tội phạm, cho nên pháp luật TTHS đã quy định chặt chẽ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, mọi hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án đều phải dựa trên những quy định của pháp luật.

### **1.2. Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự**

Ở giai đoạn lịch sử cụ thể thì đối tượng của nhận thức lại có phạm vi nhất định. Mặt khác, tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu của từng lĩnh vực hoạt động nhận thức cụ thể mà trong mỗi lĩnh vực của hoạt động nhận thức lại có đối tượng nhận thức riêng. Hoạt động chứng minh trong TTHS chính là quá trình nhận thức làm sáng tỏ nội dung của vụ án và các tình tiết có liên quan đến vụ án. Suy cho cùng mục đích của hoạt động chứng minh

trong TTHS là để phục vụ cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự và phục vụ cho việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Bởi vậy, đối tượng chứng minh trong TTHS là tổng hợp những vấn đề chưa biết nhưng các cơ quan THTT cần phải biết để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự và đề ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm và những vấn đề này được luật TTHS quy định các cơ quan THTT phải chứng minh làm rõ.

### ***1.2.1. Khái niệm đối tượng chứng minh***

Thông thường trong vụ án hình sự có rất nhiều tình tiết, có tình tiết có ý nghĩa, giá trị làm cơ sở cho việc giải quyết, xử lý đúng đắn vụ án, có những tình tiết lại hầu như không có ý nghĩa gì trong việc giải quyết vụ án.

Khi nghiên cứu về luật thực định thì luật TTHS quy định bắt buộc phải chứng minh là giống nhau chung cho các vụ án hình sự, nhưng các tình tiết trong vụ án cụ thể mà các tình tiết này cấu thành vấn đề chứng minh là khác nhau. Chẳng hạn luật TTHS quy định bắt buộc phải chứng minh: “Có hành vi phạm tội xảy ra hay không...” Nhưng tình tiết trong hành vi phạm tội ở mỗi vụ án cụ thể là khác nhau.

Trong TTHS, nhiệm vụ đặt ra cho các cơ quan THTT, người THTT... là không những nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội mà còn nhằm đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Một trong những nguyên tắc cơ bản của luật TTHS Việt Nam là “trong quá trình THTT hình sự, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án có nhiệm vụ tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa. Các cơ quan, tổ chức hữu quan phải trả lời về việc thực hiện yêu cầu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án.” (Điều 27, BLTTHS Việt Nam năm 2003). Như vậy, trong quá trình THTT hình sự yêu cầu đặt ra cho các cơ quan THTT là phải tìm ra các nguyên nhân và điều kiện phạm tội và đề ra các biện pháp, yêu cầu khắc phục. Chính vì vậy, các cơ quan THTT, người THTT phải chứng minh làm rõ nguyên nhân và điều kiện phạm tội - và đây là những vấn đề chứng minh không chỉ góp phần để giải quyết đúng

đẩn vụ án hình sự mà còn phục vụ chủ yếu cho công tác phòng ngừa tội phạm. Nên theo chúng tôi đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự còn bao gồm cả những vấn đề liên quan đến vụ án và phục vụ cho việc đề ra các biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm.

Theo chúng tôi một khái niệm đầy đủ về đối tượng chứng minh trong TTHS phải thể hiện được đầy đủ các đặc điểm trên. Nhưng qua nghiên cứu nội dung khái niệm về đối tượng chứng minh trong sách và công trình nghiên cứu của một số tác giả, chúng tôi thấy các khái niệm này chưa được đầy đủ. Chẳng hạn như:

- *“Đối tượng chứng minh là tổng hợp những vấn đề cần phải được xác định làm rõ để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự”*

- *“Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là tổng hợp tất cả những tình tiết thực tế phản ánh bản chất của sự việc liên quan đến tội phạm và người phạm tội, những tình tiết khác giúp cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự”.*

Như vậy, các khái niệm về đối tượng chứng minh ở trên còn có sự hạn chế nhất định. Trên cơ sở phân tích về đối tượng chứng minh và sự tiếp thu những điểm hợp lý, khắc phục sự hạn chế trong khái niệm đối tượng chứng minh của một số tác giả, dưới góc độ khoa học luật TTHS, chúng ta có thể rút ra khái niệm đầy đủ về đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự như sau: *Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là tổng hợp tất cả những vấn đề chưa biết nhưng cần phải biết mà những vấn đề này được luật TTHS quy định các cơ quan THTT phải làm rõ để xác định bản chất của vụ án và những nội dung khác có liên quan đến vụ án, trên cơ sở đó các cơ quan THTT ra các quyết định phù hợp với quy định của luật hình sự, luật TTHS trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và đề ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm.*

### **1.2.2. Đặc điểm của đối tượng chứng minh**

Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự bao gồm những sự kiện và tình tiết khác nhau, mà mỗi sự kiện, tình tiết nói riêng và tổng thể của chúng nói chung, đều phải được nghiên cứu, làm sáng tỏ một cách khách

quan đầy đủ toàn diện và chính xác. Nội dung chủ yếu của đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự trước hết là cấu thành tội phạm. Đối tượng chứng minh và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án hình sự

Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự bao gồm những sự kiện và tình tiết khác nhau, mà mỗi sự kiện, tình tiết nói riêng và tổng thể của chúng nói chung, đều phải được nghiên cứu, làm sáng tỏ một cách khách quan đầy đủ toàn diện và chính xác. Nội dung chủ yếu của đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự trước hết là cấu thành tội phạm. Chính cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong luật hình sự xác định ranh giới những sự kiện, tình tiết chủ yếu phải chứng minh của vụ án hình sự.

### ***1.2.3. Phân loại đối tượng chứng minh***

Dựa vào các tiêu chí khác nhau, có nhiều cách phân loại khác nhau về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự.

Trên cơ sở tiêu chí mối quan hệ của những vấn đề phải chứng minh với sự buộc tội, người ta phân loại những vấn đề phải chứng minh thành hai nhóm: nhóm những vấn đề phải chứng minh có tính chất buộc tội và nhóm những vấn đề phải chứng minh có tính chất gỡ tội. Nhóm những vấn đề phải chứng minh có tính chất buộc tội bao gồm: có sự kiện phạm tội hay không? Những dấu hiệu của cấu thành tội phạm; bị can có thực hiện hành vi phạm tội đó hay không? Hình thức lỗi của bị can? Những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết về đặc điểm nhân thân của bị can. Nhóm những vấn đề phải chứng minh có tính chất gỡ tội bao gồm: có hay không có những tình tiết bác bỏ sự buộc tội đối với bị can, bị cáo? Những tình tiết TNHS, miễn hình phạt; những tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị can, bị cáo.

## **1.3. Phương tiện chứng minh**

### ***1.3.1. Khái niệm phương tiện chứng minh***

Có rất nhiều khái niệm về phương tiện chứng minh nhưng hiểu theo nghĩa chung nhất và bao quát nhất là: *Phương tiện chứng minh là những công cụ do pháp luật quy định, các chủ thể chứng minh được sử dụng để làm rõ các tình tiết sự kiện của vụ án hình sự.*

### ***1.3.2. Đặc điểm phương tiện chứng minh.***

Phương tiện chứng minh trong VAHS chủ yếu thể hiện qua các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử VAHS, trong đó các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để thu thập chứng cứ, đánh giá và sử dụng chứng cứ nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Mỗi tài liệu được coi là chứng cứ chỉ có giá trị chứng minh khi bảo đảm được tính hợp pháp của nó, tức là cơ quan tiến hành tố tụng khi thu thập chứng cứ đều phải theo một trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Ở giai đoạn nào phải do pháp luật tố tụng quy định và điều chỉnh về trình tự thu thập, kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ ở giai đoạn đó, chứng cứ mới có giá trị chứng minh.

### **1.4. Nội hàm của quá trình chứng minh**

Trong TTHS chứng cứ được dùng làm căn cứ chứng minh. Bởi vậy, để đảm bảo cho những vấn đề được chứng minh là đúng đắn phù hợp với sự thật khách quan thì đòi hỏi không những hoạt động chứng minh phải dựa trên những cơ sở, phương pháp luận khoa học mà còn đòi hỏi những quy định của pháp luật về chứng cứ như: chứng cứ là gì, cái gì được coi là chứng cứ... cũng phải bảo đảm tính khoa học. Nhưng nghiên cứu trong lịch sử pháp lý cho thấy đã từng có các quan điểm khác nhau về chứng cứ trong TTHS như:

#### ***1.4.1. Thu thập chứng cứ***

Thu thập chứng cứ là hoạt động đầu tiên của quá trình chứng minh trong VAHS. Hoạt động này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn bộ quá trình chứng minh. Để tái tạo lại những tình tiết của vụ án đã xảy ra trước đó đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải thu thập được đầy đủ những thông tin về vụ việc phạm tội đó, bởi vì các thông tin phản ánh về hoạt động của tội phạm được hình thành, tồn tại là tất yếu khách quan, có tính quy luật, mang đặc tính phản ánh chân lý khách quan về vụ án.

#### ***1.4.2. Giới hạn chứng minh***

Giới hạn chứng minh là tổng hợp chứng cứ cần và đủ cho việc giải

quyết đúng đắn vụ án. Nếu đối tượng chứng minh xác định được mục đích, yêu cầu của quá trình chứng minh, thì giới hạn chứng minh chỉ rõ phương tiện, ranh giới của hoạt động chứng minh. Xác định đúng đối tượng chứng minh sẽ bảo đảm tính toàn diện cho hoạt động chứng minh của các chủ thể tiến hành tố tụng nhưng không thể nói đến tính đầy đủ của hoạt động đó nếu chúng ta không xác định được giới hạn chứng minh. Việc xác định giới hạn chứng minh chính là xác định ranh giới của việc thu thập và nghiên cứu các tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án ở mức độ vừa và đủ để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án theo đúng yêu cầu của pháp luật.

*Quan điểm thứ nhất cho rằng*, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quan điểm của mình, việc xét xử như thế nào là quyền độc lập của Tòa án; nội dung quyết định truy tố, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa không ảnh hưởng và cản trở việc xét xử.

*Quan điểm thứ hai cho rằng*, Tòa án chỉ xét xử hành vi của bị cáo theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và Tòa án đã đưa ra xét xử, không xét xử ngay theo tội danh nặng hơn so với quyết định truy tố và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

### ***1.4.3. Chủ thể của chứng minh***

Chứng minh là hoạt động nhận thức chân lý khách quan của con người nên ở phương diện chung nhất con người là chủ thể của hoạt động chứng minh. Nhưng hoạt động chứng minh được tiến hành trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, mà trong từng lĩnh vực chứng minh khác nhau có một phạm vi những cá nhân con người cụ thể nhất định tham gia vào hoạt động chứng minh đó - tức là hoạt động chứng minh trong mỗi lĩnh vực khác nhau thì có những chủ thể cụ thể khác nhau tiến hành hoạt động chứng minh đó.

### ***1.4.4. Trình tự, thủ tục chứng minh***

Trong TTHS, chứng minh được hiểu là việc sử dụng các chứng cứ để làm sáng tỏ bản chất và các tình tiết của vụ án. Trong quá trình chứng minh vụ án hình sự bao gồm các bước sau: phát hiện, thu thập, kiểm tra, và đánh giá chứng cứ.

Phát hiện chứng cứ là tìm ra những sự vật, hiện tượng, tài liệu có

mang dấu vết, thông tin liên quan đến vụ án hình sự. Việc phát hiện chứng cứ được tiến hành bằng nhiều biện pháp do luật TTHS quy định như: Khám nghiệm hiện trường, xác minh sự việc...

Thu thập chứng cứ là việc ghi nhận, thu giữ và bảo quản chứng cứ của các cơ quan THTT làm cho chứng cứ có đầy đủ giá trị chứng minh. Việc thu thập chứng cứ do những chủ thể được luật TTHS quy định tiến hành bằng những biện pháp cũng do luật TTHS quy định.

Kiểm tra chứng cứ là việc xem xét xác định tính xác thực, tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp của chứng cứ. Chỉ những tài liệu đã được kiểm tra và có các đặc điểm của chứng cứ thì mới được coi là chứng cứ để sử dụng chứng minh vụ án.

Đánh giá chứng cứ là hoạt động phân tích nhằm xác định giá trị chứng minh của chứng cứ đối với những vấn đề cần làm rõ trong vụ án hình sự.

Như vậy: *Chứng minh trong TTHS là quá trình các cơ quan THTT, người THTT trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật TTHS tiến hành phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và sử dụng các chứng cứ này làm phương tiện, căn cứ để xác định, làm rõ tất cả những vấn đề liên quan đến vụ án hình sự mà những vấn đề này luật quy định các cơ quan THTT cần phải biết khi giải quyết vụ án hình sự.*

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH QUÁ TRÌNH CHỨNG MINH VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUÁ TRÌNH CHỨNG MINH TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

#### **2.1. Thực trạng tình hình quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự**

- ***Thực trạng hoạt động chứng minh của Cơ quan điều tra***

Giai đoạn điều tra là "đầu vào" của quá trình TTHS. Vì vậy, hoạt động chứng minh vụ án hình sự ở giai đoạn này có vị trí và vai trò rất quan

trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của Viện kiểm sát và Tòa án ở các giai đoạn tiếp theo: truy tố và xét xử.

• ***Thực trạng hoạt động chứng minh của Viện kiểm sát các cấp***

Có thể nói rằng các sai sót, vi phạm của Cơ quan điều tra trong quá trình thu thập, kiểm tra và đánh giá các chứng cứ, tài liệu về vụ án cũng chính là sai sót, vi phạm của Viện kiểm sát nếu khi tiến hành kiểm sát điều tra, truy tố, Viện kiểm sát không phát hiện được và không áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để khắc phục những sai sót của Cơ quan điều tra.

***Thực trạng hoạt động chứng minh của Tòa án các cấp***

Hoạt động xét xử là khâu trung tâm của hoạt động tư pháp và giữ vai trò quyết định đối với toàn bộ quá trình TTHS. Khác với các giai đoạn tố tụng trước (điều tra, truy tố), hoạt động chứng minh VAHS ở giai đoạn xét xử được tiến hành công khai tại phiên tòa với sự tham gia đầy đủ nhất của các chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng. Quá trình chứng minh (bao gồm cả thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ) là cuộc điều tra công khai, toàn diện và chính thức để xác định sự thật khách quan về vụ án. Hội đồng xét xử ra phán quyết về vụ án trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra, xác minh, đánh giá công khai, bình đẳng và dân chủ tại phiên tòa.

Tòa án cũng còn nhiều tồn tại, sai sót biểu hiện ở một số vấn đề cơ bản sau đây:

1) Nhận thức và áp dụng không đúng các quy định pháp luật nội dung (trong quá trình xét xử) là thiếu sót khá phổ biến trong hoạt động đánh giá chứng cứ của đội ngũ Thẩm phán ở các địa phương. Các sai sót này thường thể hiện dưới các dạng sau:

- Không nắm vững các dấu hiệu cấu thành tội phạm, đặc biệt là việc đánh giá về ý thức chủ quan (lỗi) của bị cáo trong trường hợp hành vi có dấu hiệu của các tội phạm giáp ranh như: Giết người (khoản 2 Điều 93); giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95); giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96); cè ý gây thương tích (khoản 3 Điều 104), vô ý làm chết người; lừa đảo và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; cướp tài sản và cưỡng đoạt tài sản;...



- Nhầm lẫn hoặc xác định không chính xác tình tiết định tội (đã bị xử phạt hành chính hoặc đã bị kết án,...); các tình tiết định khung tăng nặng (tái phạm, tái phạm nguy hiểm; có tính chất côn đồ, vì động cơ đê hèn; gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác,...); các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt;

- Xác định không chính xác độ tuổi, tiền án, tiền sự của bị cáo; độ tuổi của người bị hại; lỗi hỗn hợp của bị cáo, người bị hại;...

- Không nắm vững các quy định Phần chung của BLHS (về chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, về xóa án, về tái phạm, tái phạm nguy hiểm, miễn trách nhiệm hình sự; về xác định lỗi (cố ý gián tiếp phó mặc hậu quả); các yếu tố loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi; các dấu hiệu cấu thành tội phạm của từng tội nên đã xử oan hoặc xác định sai tội danh đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Xác định không đúng trách nhiệm bồi thường thiệt hại; mức thiệt hại (các khoản thiệt hại, thời hạn bồi thường, người được cấp dưỡng,... theo quy định của BLDS.

2) Đường lối xử lý không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết khác. Sai sót này trong đánh giá chứng cứ khi quyết định hình phạt của các Tòa án thể hiện ở các dạng sau:

- Quyết định mức hình phạt quá nặng đối với bị cáo trong một số trường hợp do không nghiên cứu kỹ các chứng cứ, không nắm vững các hướng dẫn của TANDTC nên Hội đồng xét xử đã đánh giá không đúng về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo nên đã áp dụng hình phạt quá nghiêm khắc đối với bị cáo. Ví dụ: John Nguyễn bị truy tố, xét xử về hành vi mua bán trái phép 1.352,1 gam chất ma túy tổng hợp. Tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng nào đối với bị cáo John Nguyễn, nhưng lại xử phạt bị cáo tử hình là quá nặng, không đúng với hướng dẫn tại điểm b, tiêu mục 3.1, Mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/03/2001 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, theo nghị quyết này thì người phạm tội mua bán trái phép chất ma túy có trọng lượng từ 2.500 gam trở lên mới bị phạt tử hình.

Trong BLHS có rất nhiều khung hình phạt có mức thấp nhất quy định là các hình phạt không phải cách ly khỏi xã hội (cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ), nhưng nhiều Thẩm phán các địa phương đã bỏ qua các loại hình phạt này mà thường áp dụng hình phạt tù là hình phạt truyền thống, đã quen áp dụng.

- Việc áp dụng hình phạt quá nhẹ đối với người phạm tội vẫn còn khá phổ biến (nhất là đối với tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, các tội phạm về tham nhũng), tuy đã được nhắc nhở nhiều trong các báo cáo tổng kết ngành hàng năm nhưng chưa được khắc phục. Nguyên nhân của những thiếu sót loại này không phải là do BLHS quy định không rõ ràng hoặc chưa có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, mà chủ yếu là do Thẩm phán đánh giá không đúng tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, xác định không đúng về các tình tiết định khung tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hoặc chỉ chú ý đến các tình tiết giảm nhẹ mà không chú ý đến các tình tiết tăng nặng, đánh giá không đúng về nhân thân người phạm tội,...

- Việc cho các bị cáo hưởng án treo trong khá nhiều trường hợp không đủ căn cứ theo quy định của BLHS. Ví dụ: Lê Hoàng Tân (sinh 1963) đã bị xử phạt 30 tháng tù về tội vi phạm các quy định về an toàn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng... Trong thời gian thử thách, Tân lại vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ làm chết một người. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 202 BLHS phạt Lê Hoàng Tân 12 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù của bản án trước buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 42 tháng tù. Bị cáo Tân kháng cáo xin giảm hình phạt và Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm xử phạt Lê Hoàng Tân 15.000.000đ là hình phạt chính và không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 30 tháng tù của bản án trước.

Việc Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với Lê Hoàng Tân trong trường hợp này là không thỏa đáng, vì bị cáo Tân đã bị kết án 30 tháng tù, nay lại tái phạm về tội này. Cho dù bị cáo

Tân đáng được áp dụng hình phạt tiền (là hình phạt chính) thì việc Tòa án cấp phúc thẩm không buộc bị cáo phải chấp hành 30 tháng tù của bản án trước đó là một sai lầm nghiêm trọng, trái với quy định tại khoản 5 Điều 60 BLHS.

### ***2.1.1. Kết quả đạt được trong quá trình chứng minh vụ án hình sự***

\* *Đối với công tác xét xử của Tòa án:* Về nguyên tắc, mỗi tình tiết trong vụ án chỉ được áp dụng một lần. Nếu đó là tình tiết định tội hay tình tiết định khung hình phạt thì phải áp dụng. Nếu tình tiết đó đã được áp dụng là yếu tố định tội (hoặc tình tiết định khung tăng nặng) thì không được áp dụng nó là tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nữa, và ngược lại. Trong nhiều trường hợp mặc dù BLHS đã quy định rõ và đã được hướng dẫn cụ thể nhưng do Thẩm phán không nghiên cứu kỹ, không kịp thời cập nhật văn bản pháp luật mới ban hành nên đã áp dụng không đúng điều khoản của BLHS.

\* *Đối với Viện kiểm sát nhân dân:* Giai đoạn truy tố là giai đoạn kế tiếp của giai đoạn điều tra. Hoạt động chứng minh của Viện kiểm sát mang tính chất kiểm tra (đánh giá) hoạt động chứng minh về vụ án của Điều tra viên và bổ sung chứng cứ, tài liệu về vụ án (nếu thấy cần thiết) để ra quyết định xử lý vụ án theo quy định của pháp luật như: trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đình chỉ điều tra hoặc tạm đình chỉ điều tra vụ án; truy tố bị can ra Tòa án để xét xử. Chính vì vậy, hoạt động chứng minh của Viện kiểm sát có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó là điều kiện bảo đảm để xử lý vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm đồng thời không làm oan người vô tội.

\* *Đối với cơ quan cảnh sát điều tra:* Hoạt động chứng minh của Cơ quan điều tra các cấp đã góp phần rất quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm. Đây cũng là tiền đề tạo điều kiện thuận lợi cho Viện kiểm sát và Tòa án ở nước ta hàng năm xử lý một số lượng rất lớn các vụ án hình sự đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

### ***2.1.2. Nguyên nhân của những tồn tại thiếu sót trong quá trình chứng minh vụ án hình sự***

*\* Đối với cơ quan điều tra:*

Việc vi phạm tố tụng về thu thập chứng cứ, quản lý, xử lý vật chứng như đã nêu trên, hoạt động đánh giá các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được về vụ án hình sự của đội ngũ Điều tra viên cũng bộc lộ còn nhiều bất cập:

- Nhiều trường hợp đề nghị truy tố của Cơ quan điều tra (thể hiện trong kết luận điều tra) không được Viện kiểm sát chấp nhận: về tội danh, điều khoản BLHS sự áp dụng; về tình tiết định khung tăng nặng; các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;...

- Một số vụ án còn bị đình chỉ vì không có căn cứ khởi tố theo quy định của pháp luật: thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; người phạm tội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm;...

- Trả hồ sơ để điều tra bổ sung do thu thập chưa đầy đủ chứng cứ; vi phạm thủ tục tố tụng;...

*\* Đối với cơ quan Kiểm sát nhân dân*

Tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cũng như kinh nghiệm thực tế của một số Kiểm sát viên còn nhiều hạn chế nên trong nhiều trường hợp, việc nghiên cứu hồ sơ vụ án không kỹ, không phát hiện ra các thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng của Cơ quan điều tra khi tiến hành các hoạt động thu thập, kiểm tra, xác minh các chứng cứ, tài liệu về vụ án (như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thu giữ vật chứng,

3) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát điều tra và thực hành quyền công tố tại phiên tòa, một số Kiểm sát viên không xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ buộc tội và các chứng cứ gỡ tội; các chứng cứ mâu thuẫn với nhau (về tình trạng ngoại phạm của bị can; về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án; công cụ (hung khí) thực hiện hành vi;...); không phát hiện được các chứng cứ còn thiếu, hoặc những chứng cứ mâu thuẫn với nhau để yêu cầu Cơ quan điều tra hoặc tự mình bổ sung chứng cứ, tiến hành xét hỏi, đối chất tại phiên tòa để làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án.

4) Một số trường hợp khác, qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa phát hiện vụ án có nhiều tình tiết mới cần phải điều tra bổ sung, nhưng

Kiểm sát viên không dám thay đổi quan điểm buộc tội (đã được Viện trưởng thông qua) đối với bị cáo nên quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát đã bị bác bỏ và Hội đồng xét xử quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, thậm chí tuyên bị cáo không phạm tội.

*\* Đối với cơ quan Tòa án nhân dân*

Tỷ lệ sửa và hủy án sơ thẩm của Tòa án cấp phúc thẩm nêu trên cho thấy chất lượng xét xử nói chung và việc đánh giá chứng cứ, tài liệu về vụ án của Tòa án sơ thẩm cấp huyện và tỉnh trong cả nước còn nhiều thiếu sót cần khắc phục.

Ngoài những hạn chế, thiếu sót nêu trên, trong hoạt động chứng minh ở giai đoạn xét xử, một số không nhiều Thẩm phán ở một số địa phương có biểu hiện thoái hóa, biến chất, bị tác động bởi các hiện tượng tiêu cực nên cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án, cố tình đánh giá sai các chứng cứ, tình tiết về vụ án dẫn đến xử phạt không nghiêm hoặc bỏ lọt tội phạm. Tình trạng này đã được cảnh báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và các cơ quan chức năng nhắc nhở: Các giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự; hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến quá trình chứng minh vụ án hình sự.

a) Để xác định chứng cứ, khoản 2 Điều 64 BLTTHS 2003 quy định cụ thể là:

Chứng cứ được xác định bằng:

- a) Vật chứng;
- b) Lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo;
- c) Kết luận giám định;
- d) Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác.

Chính từ việc xác định nguồn chứng cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 64 BLTTHS năm 2003 hiện nay dẫn đến những cách hiểu rất khác nhau:

Có quan điểm cho rằng, khái niệm chứng cứ có hai ý nghĩa: Chứng cứ là những sự kiện chứng minh, đồng thời chứng cứ cũng là phương tiện

chứng minh (nguồn thông tin về sự kiện). Quan điểm đó không phân biệt khái niệm chứng cứ với khái niệm phương tiện chứng minh.

Nghiên cứu các quy định tại Điều 64 BLTTHS năm 2003, chúng tôi cho rằng, mặc dù các quy định hiện hành đã thể hiện được vấn đề bản chất của chứng cứ và là căn cứ pháp lý cho việc điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự. Tuy nhiên, khái niệm này vẫn chịu ảnh hưởng khá nhiều bởi tư duy lập pháp của các nhà luật gia Xô viết - tức là đi từ dấu hiệu cơ bản đến xem xét và xác định chứng cứ. Điều này đặt ra những khó khăn nhất định khi nhận thức về vấn đề chứng cứ - mét vấn đề mà xưa nay chúng ta vẫn quan niệm là tương đối trừu tượng và khó hiểu. Vấn đề là ở chỗ, ngay trong tiềm thức của nhiều người, đôi khi chúng ta vẫn chưa thực sự rạch ròi trong cách hiểu về khái niệm mà vẫn đứng giữa ranh giới của trùng lặp giữa khái niệm chứng cứ, khái niệm nguồn chứng cứ hay khái niệm phương tiện chứng minh. Với khái niệm hiện nay: (Chứng cứ là những gì có thật) bản thân sự khẳng định này khá chung chung. Xét về mặt bản chất, chứng cứ là những tình tiết, sự kiện có thật (phản ánh sự thật khách quan) được dùng để chứng minh tính chân lý của vụ án chứ không phải là (sự thật khách quan).

Liên quan đến nội hàm của khái niệm, tìm hiểu các công trình nghiên cứu tại Việt Nam về vấn đề này trong khoa học TTHS, chúng tôi thấy tồn tại khá nhiều các quan điểm khác nhau.

Nếu đưa thêm chủ thể những người tham gia tố tụng vào khái niệm định nghĩa sẽ tạo sự bình đẳng hơn giữa người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng về quyền đưa ra chứng cứ để làm rõ sự thật của vụ án, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay đang thực hiện mở rộng tranh tụng theo tinh thần cải cách tư pháp đó là:

Từ những phân tích và lý giải nêu trên, theo chúng tôi, sẽ khoa học và hợp lý hơn nếu tách nội dung Điều 64 BLTTHS năm 2003 sửa đổi thành hai điều luật cô thể quy định về khái niệm chứng cứ và nguồn chứng cứ. Khái niệm chứng cứ cần cụ thể hóa và chuẩn xác hơn về nội hàm, nên chẳng có sự sửa đổi cụ thể như sau:

*Chứng cứ trong vụ án hình sự là những thông tin có thật nhằm phản ánh sự thật khách quan, được thu thập theo trình tự, thủ tục do BLTTHS. Các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án dùng làm căn cứ để chứng minh làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.*

b) Theo quy định tại Điều 10 của BLTTHS, thì (trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền, nhưng không có nghĩa vụ phải chứng minh là mình vô tội). Nhưng quy định tại các điều 49, 50, 131, 209 của Bộ luật lại không thể hiện rõ tinh thần này. Theo nội dung các điều luật này thì dường như khi bị lấy lời khai thì bị can, bị cáo có nghĩa vụ phải khai báo chứ không phải là sự tự nguyện của họ. Chính vì lẽ đó mà trong những trường hợp bị can không khai báo hoặc im lặng có trường hợp đã bị Điều tra viên dùng nhục hình, đe dọa, buộc bị can phải khai báo. Vì vậy, theo chúng tôi, BLTTHS năm 2003 cần quy định rõ quyền này của bị can để tránh sự lạm dụng và hiểu lầm của bị can khi họ được các cơ quan và người tiến hành tố tụng lấy lời khai của bị can về hành vi phạm tội, thì buộc họ phải trả lời. Cụ thể là cần bổ sung cụm từ (*hoặc không trình bày lời khai*) vào cuối quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 BLTTHS năm 2003 và cụm từ (*trình bày hoặc không trình bày ý kiến, tham gia tranh luận tại phiên tòa*) vào cuối điểm g khoản 2 Điều 50 BLTTHS năm 2003.

c) BLTTHS không quy định bắt buộc 100% các VAHS đều phải có sự tham gia của người bào chữa nên trong thực tiễn một số lượng lớn các vụ án không có người bào chữa tham gia. Các điều 49, 50 BLTTHS năm 2003 không quy định quyền thu thập chứng cứ của bị can, bị cáo trong trường hợp họ không có người bào chữa. Để bị can, bị cáo thực hiện quyền chứng minh của mình và đảm bảo việc chứng minh của các cơ quan tiến hành tố tụng được khách quan, toàn diện, chúng tôi cho rằng cần bổ sung quyền thu thập chứng cứ của bị can, bị cáo và trong trường hợp họ không thể tự thu thập được thì có thể yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ. Cũng cần bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ theo yêu cầu của bị can, bị cáo, nếu chứng cứ đó có lợi cho họ trong việc bào chữa.

d) Điều 185 BLTTHS năm 2003 quy định: (Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm. Trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, thì Hội đồng xét xử có thể gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm). Vì vậy, theo chúng tôi, cần sửa đổi Điều 185 BLTTHS 2003 theo hướng quy định số Thẩm phán chuyên nghiệp chiếm đa số trong thành phần Hội đồng xét xử, cụ thể như sau: *Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm hai Thẩm phán và một Hội thẩm. Trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, thì Hội đồng xét xử có thể gồm ba Thẩm phán và hai Hội thẩm.*

### **2.2.2. Các giải pháp về nâng cao trình độ hoạt động chứng minh vụ án hình sự cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm**

Chất lượng và hiệu quả hoạt động chứng minh các VAHS phụ thuộc rất lớn vào các chủ thể tiến hành tố tụng, đặc biệt là các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm các cấp. Thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử cho thấy trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm không đồng đều, còn nhiều bất cập, kỹ năng nghiệp vụ còn yếu kém chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp. Do tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường, một bộ phận Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán phẩm chất đạo đức bị thoái hóa, biến chất.

- Kiện toàn các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án các cấp bảo đảm đủ biên chế theo quy định;

- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán các cấp;

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm các cấp;

- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ và năng lực thực tế của họ.

\* *Kiện toàn đủ biên chế của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án các cấp*

Bảo đảm đủ biên chế cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án các cấp cũng là một giải pháp cần sớm được tiến hành trong giai đoạn hiện



nay đề nâng cao hiệu quả hoạt động chứng minh VAHS của các cơ quan tiến hành tố tụng. Theo số liệu của cơ quan chức năng, thì số lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán các cấp còn thiếu nhiều so với biên chế, đặc biệt là ở các cơ quan điều tra cấp thứ ba.

*\* Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm Điều tra viên, Thẩm phán và kiểm sát viên*

Thứ nhất, phải làm tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm các chức danh Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán. Các cơ quan tiến hành tố tụng theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phải lựa chọn được những người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước

Thứ hai, cần nghiên cứu và có chính sách đãi ngộ đặc biệt và mở rộng phạm vi đối tượng tham gia thi tuyển để đào tạo đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán để thu hút được những người có chuyên môn giỏi, trình độ học vị cao tham gia vào đội ngũ cán bộ của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ ba, cần thực hiện chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, xây dựng và khẳng định vị thế của họ.

*\* Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán*

Đảng ta đã khẳng định: "Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong xây dựng Đảng". Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác quản lý Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán các cấp; tăng cường mối quan hệ kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp đối với hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng.

## KẾT LUẬN

Tóm lại, quá trình chứng minh trong VAHS ở nước ta là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là nhiệm vụ cơ bản xuyên suốt của cả quá

trình điều tra, truy tố và xét xử, nhằm xác định sự thật khách quan, để giải quyết đúng đắn VAHS. Song, việc làm sáng tỏ, toàn diện vấn đề này gặp rất nhiều khó khăn. Đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố, nhiều ý kiến được đề xuất, triển khai trong thực tiễn, nhưng vẫn còn nhiều vướng mắc cả trong lý luận và thực tiễn.

1. Luận văn đã nêu ra khái niệm, mục đích và ý nghĩa của quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự; Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự; phương tiện chứng minh và nội hàm của quá trình chứng minh.

2. Đánh giá được thực trạng tình hình quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự; Đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự

3. Từ thực tiễn xét xử và qua quá trình tổng kết, luận văn cũng đã chỉ ra được một số nguyên nhân chủ quan và khách quan cơ bản của những thiếu sót, tồn tại trong thực tiễn chứng minh các VAHS, đó là: Trình độ chuyên môn của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm các cấp còn hạn chế; không nắm vững các quy định của pháp luật tố tụng về chứng cứ và chứng minh và các quy định của BLHS ở phần chung và phần các các tội phạm cụ thể; cập nhật thiếu các văn bản pháp luật; kỹ năng nghiệp vụ còn nhiều hạn chế, yếu kém; tinh thần trách nhiệm chưa cao, tác phong làm việc không khoa học, thận trọng, tởm mỹ.

4. Tuy nhiên do điều kiện nghiên cứu và khả năng của bản thân có hạn. Trong khi đó nội dung của đề tài lại phức tạp nên chắc chắn bản luận văn không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót nhất định, rất mong được sự góp ý của các đồng nghiệp và các nhà nghiên cứu. Và liên quan đến đề tài này chắc chắn còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu toàn diện và sâu sắc hơn.

Như vậy, mục tiêu đặt ra trong phạm vi nghiên cứu của luận văn đã đạt được dưới góc độ khoa học về quá trình chứng minh trong VAHS và khoa học luật tố tụng hình sự sẽ góp phần đáng kể vào việc nâng cao hiệu quả của quá trình chứng minh trong VAHS ở nước ta.